



Báo cáo lần đầu

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Báo cáo lần đầu

Ngày 20/03/2025

Giá hiện tại: 39,800 VND

Giá kỳ vọng: 46,900 VND

Khuyến nghị: MUA (+ 17.8%)

Mã cổ phiếu	BID
Giá cao nhất 52 tuần (VND)	44,800
Giá thấp nhất 52 tuần (VND)	35,800
Vốn hóa (tỷ đồng)	282,259
KLGD trung bình 52 tuần (CP)	2,358,405
Số lượng cp đang lưu hành (Tr CP)	7,021.4
Beta	1.0
P/E	11.24
P/B	2.0

Thông tin cơ bản về doanh nghiệp:

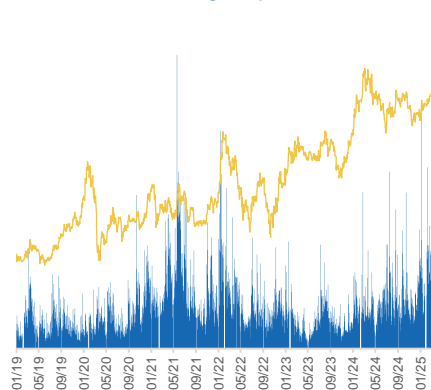
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được thành lập vào năm 1957, là một trong số 3 ngân hàng TMCP niêm yết mà nhà nước là cổ đông lớn nắm quyền kiểm soát. BIDV hiện là ngân hàng đứng đầu về thị phần cho vay, huy động và quy mô tổng tài sản trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. BIDV nổi bật với chất lượng tài sản vượt trội, tỷ lệ nợ xấu thấp và bộ đệm dự phòng thuộc nhóm cao nhất toàn ngành.

ĐẦU TÀU DẪN DẮT TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG 2025

Luận điểm đầu tư

- BID là đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng tín dụng ngành ngân hàng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành 16% với động lực đến từ: (i) sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế, thúc đẩy nhu cầu vay vốn và mở rộng tín dụng, (ii) vị thế là ngân hàng quốc doanh, đồng thời là ngân hàng có quy mô lớn nhất tại Việt Nam giúp BIDV có lợi thế trong việc tiếp cận và giải ngân tín dụng cho các dự án trọng điểm và doanh nghiệp lớn, (iii) lãi suất cho vay cạnh tranh giúp BID dễ dàng thu hút người vay và đẩy nhanh tốc độ giải ngân, (iv) chiến lược tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân, phù hợp với các chính sách phát triển nhà ở xã hội, cho vay mua nhà dành cho người trẻ, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp SME theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Tiềm năng cải thiện biên lãi thuần trong bối cảnh ngành đang chịu nhiều áp lực nhờ những lợi thế cạnh tranh riêng có: (i) lợi thế về chi phí huy động thấp cùng với CASA đang trên đà cải thiện; (ii) tăng trưởng tiền gửi mạnh mẽ trong năm 2024 giúp giảm bớt áp lực lên COF và hỗ trợ NIM; (iii) tỷ trọng cho vay ngắn hạn lớn, vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội để BIDV cải thiện NIM từ mức thấp hiện tại.
- Nợ xấu giảm nhẹ trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen.
- Chứng khoán BSC ngày càng củng cố vững chắc vị thế trên thị trường chứng khoán, với thị phần và dư nợ mở rộng, mở ra kênh cho vay bán lẻ hiệu quả, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của BIDV.
- BIDV đang triển khai các kế hoạch tăng vốn mạnh mẽ nhằm gia tăng khả năng chống chịu rủi ro và đáp ứng nhu cầu tín dụng ngày càng cao.

Diễn biến giá cổ phiếu BID



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025F
Thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	69,582	73,013	81,060	96,055
Tăng trưởng (%YoY)	11%	5%	11%	18%
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	56,070	56,136	58,008	70,854
Tăng trưởng (%YoY)	20%	0%	3%	22%
Thu nhập ngoài lãi (tỷ đồng)	13,513	16,877	23,052	25,201
Tăng trưởng (%YoY)	-14%	25%	37%	9%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	18,420	21,977	25,122	29,390
Tăng trưởng (%YoY)	70%	19%	14%	17%
Tăng trưởng tín dụng (%YTD)	12.1%	16.3%	15.5%	16.0%
Tăng trưởng tiền gửi (%YTD)	6.8%	15.7%	14.6%	13.9%
Biên thu nhập lãi thuần-NIM (%)	2.9%	2.6%	2.3%	2.4%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.2%	1.3%	1.4%	1.4%
ROAA (%)	0.9%	1.0%	1.0%	1.0%
ROAE (%)	19.1%	18.9%	18.4%	18.0%

Nguồn: BID, NHSV Research

MỤC LỤC

Phần I: Tổng quan

Phần II: Cập nhật tình hình tài chính

Phần III: Luận điểm đầu tư

Phần IV: Dự phóng kết quả kinh doanh

Phần V: Định giá

Phần VI: Phụ lục

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được thành lập vào năm 1957, là một trong số 3 ngân hàng TMCP niêm yết mà nhà nước là cổ đông lớn nắm quyền kiểm soát. BIDV hiện là ngân hàng đứng đầu về thị phần cho vay, huy động và quy mô tổng tài sản trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. BIDV nổi bật với chất lượng tài sản vượt trội, tỷ lệ nợ xấu thấp và bộ đệm dự phòng thuộc nhóm cao nhất toàn ngành.

Ngành nghề kinh doanh

- Huy động, nhận tiền gửi và cho vay đối với các tổ chức và cá nhân.
- Đầu tư chứng khoán.
- Cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử.
- Thực hiện các giao dịch ngoại tệ.
- Cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác.
- Dịch vụ quản lý tài sản.

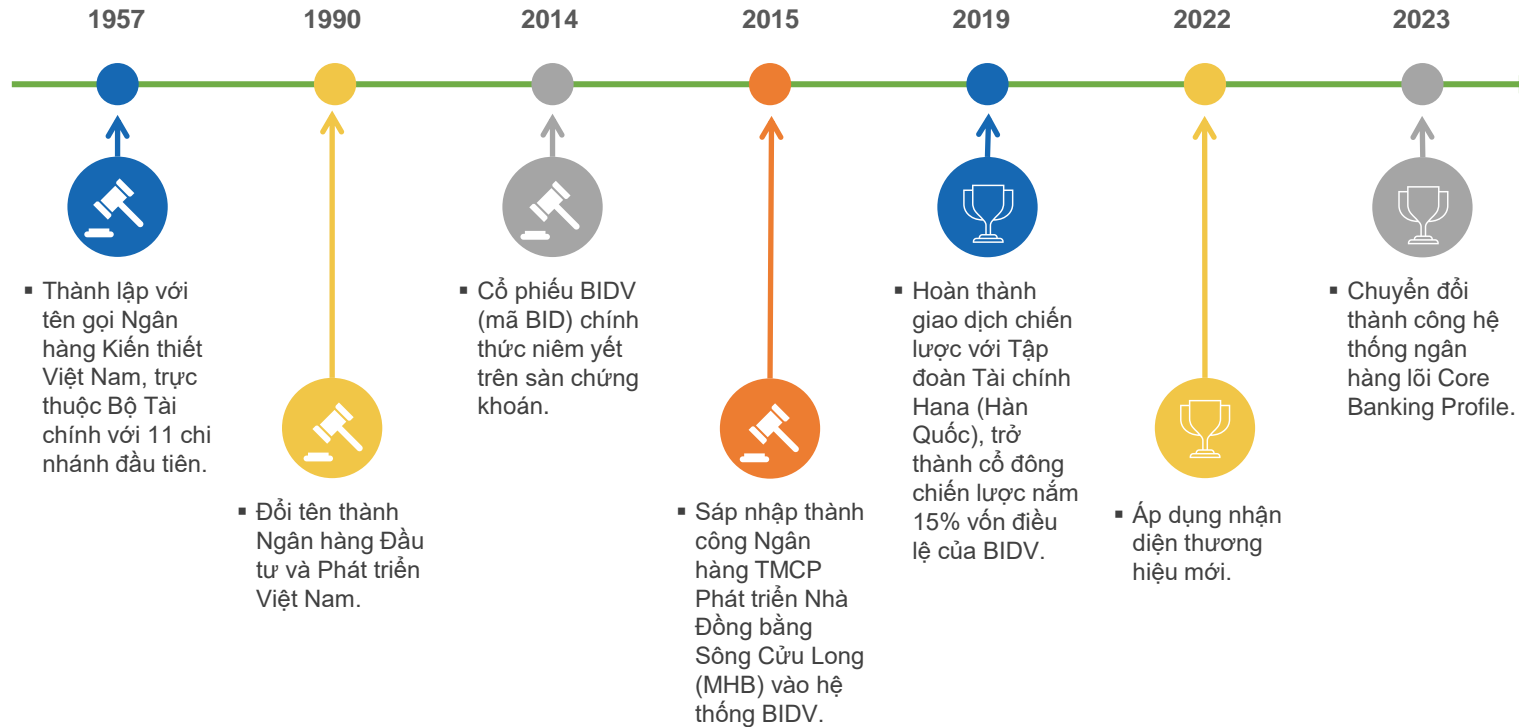
Địa bàn kinh doanh

- BIDV có mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả trong và ngoài nước. Trong nước, ngân hàng có 1 trụ sở chính tại Hà Nội và 189 chi nhánh, 895 phòng giao dịch, 2 văn phòng đại diện phủ khắp 63 tỉnh/thành phố. Về mạng lưới quốc tế, BIDV có 1 chi nhánh tại Myanmar và 4 văn phòng đại diện tại các quốc gia Campuchia, Lào, Đại Loan (Trung Quốc) và Liên bang Nga. Ngân hàng cũng sở hữu 3 đơn vị sự nghiệp trực thuộc bao gồm Viện Đào tạo và Nghiên cứu, Trung tâm công nghệ thông tin và Trung tâm dịch vụ kho quỹ phía Nam. Mạng lưới rộng lớn này giúp BIDV phục vụ hiệu quả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp cả trong và ngoài nước.

I. TỔNG QUAN

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Hành trình trở thành ngân hàng số 1 về thị phần cho vay, huy động và tổng tài sản tại Việt Nam



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

I. TỔNG QUAN

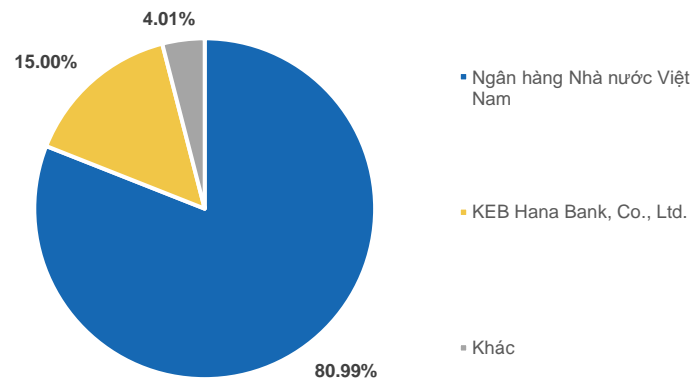
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

BIDV sở hữu cơ cấu cổ đông vững mạnh với sự chi phối của Nhà nước và sự hỗ trợ chiến lược từ KEB Hana Bank (Hàn Quốc)

- Cơ cấu cổ đông của BIDV cho thấy sự chi phối lớn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và sự tham gia của các đối tác chiến lược quốc tế. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nắm giữ tỷ lệ cổ phần lớn nhất, chiếm 80.99% tổng vốn điều lệ của ngân hàng, qua đó đảm bảo quyền kiểm soát và sự ổn định trong hoạt động của BIDV.
- Bên cạnh đó, KEB Hana Bank (Hàn Quốc) sở hữu 15% cổ phần của BIDV, là đối tác chiến lược quan trọng, hỗ trợ ngân hàng trong việc nâng cao quản trị và kết nối với các thị trường quốc tế. Sự hiện diện của đối tác nước ngoài này giúp BIDV tận dụng được các lợi thế về công nghệ và nguồn vốn quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành ngân hàng.

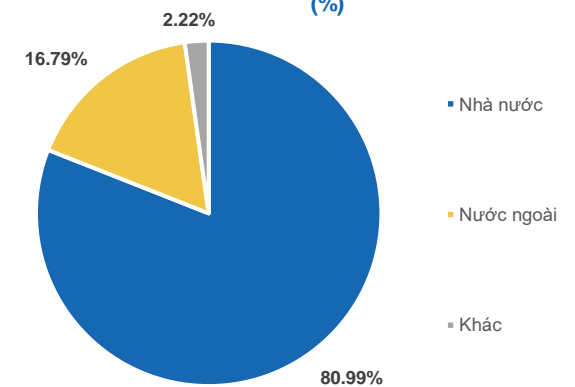
I. TỔNG QUAN

Cơ cấu sở hữu của BID theo nhóm cổ đông lớn (%)



Nguồn: BID, NHSV Research

Cơ cấu sở hữu của BID theo phân nhóm nhà đầu tư (%)



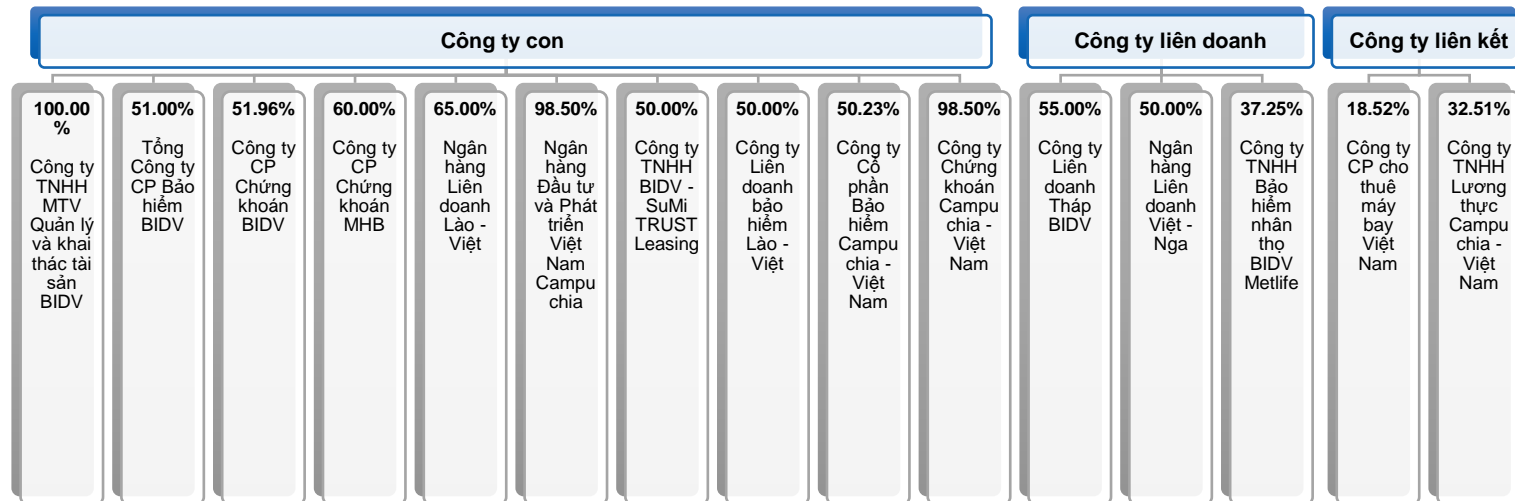
Nguồn: BID, NHSV Research

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Hệ sinh thái đa dạng và toàn diện giúp BIDV tăng cường sự hiện diện, gia tăng hiệu quả hoạt động và duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành ngân hàng tại Việt Nam

- BIDV sở hữu một hệ sinh thái đa dạng gồm nhiều công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán đến cho thuê tài chính, quản lý và khai thác tài sản, mua và cho thuê máy bay,...ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Cụ thể, BIDV có tới 10 công ty con, trong đó có 2 ngân hàng con tại Lào và Campuchia và 3 công ty liên doanh cùng với 2 công ty liên kết.
- Các công ty thành viên không chỉ giúp BIDV mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng để gia tăng sự hiện diện của ngân hàng trong các lĩnh vực tài chính quan trọng mà còn có đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung của ngân hàng. Hệ sinh thái này không chỉ giúp BIDV tạo dựng lợi thế cạnh tranh mà còn giúp củng cố vị thế hàng đầu trong ngành ngân hàng tại Việt Nam.

I. TỔNG QUAN



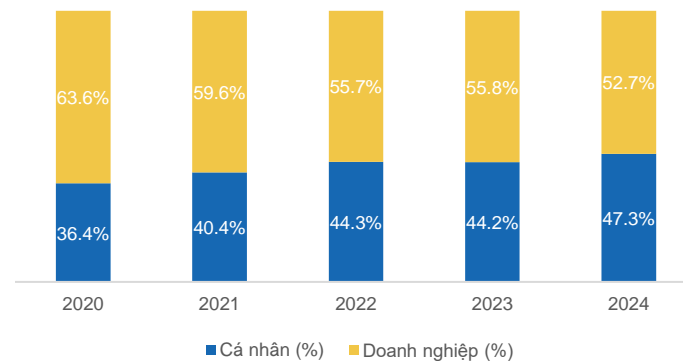
CƠ CẤU DỰ NỢ CHO VAY

Đa dạng hóa ngành nghề cho vay và dần chuyển trọng tâm từ cho vay doanh nghiệp sang cho vay bán lẻ.

- Cơ cấu dự nợ tín dụng của BIDV cho thấy có sự chuyển dịch rõ rệt trong chiến lược phát triển tín dụng trong những năm qua khi ngân hàng đang có xu hướng dần chuyển trọng tâm từ cho vay doanh nghiệp sang cho vay bán lẻ. Cụ thể, trong giai đoạn từ 2020 đến 2024, tỷ trọng tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng đã liên tục điều chỉnh giảm từ 63.6% (2020) xuống còn 52.7% (2024) trong khi tỷ trọng tín dụng tiêu dùng đã liên tục tăng từ mức 36.4% (2020) lên 47.3% (2024).
- Tính đến cuối năm 2024, 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tín dụng theo lĩnh vực của BIDV lần lượt là: Công nghiệp chế biến, chế tạo với 15,5%, Dịch vụ chiếm 15%, Xây dựng đạt 5%, Điện, nước và khí đốt với 5%, và Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 3,8%. Đây đều là các ngành/lĩnh vực trọng điểm và thiết yếu của nền kinh tế, giúp ngân hàng duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong trung và dài hạn. Tỷ trọng phân bổ tín dụng vào từng ngành/lĩnh vực không quá cao thể hiện sự đa dạng hóa trong chiến lược phát triển tín dụng của ngân hàng.

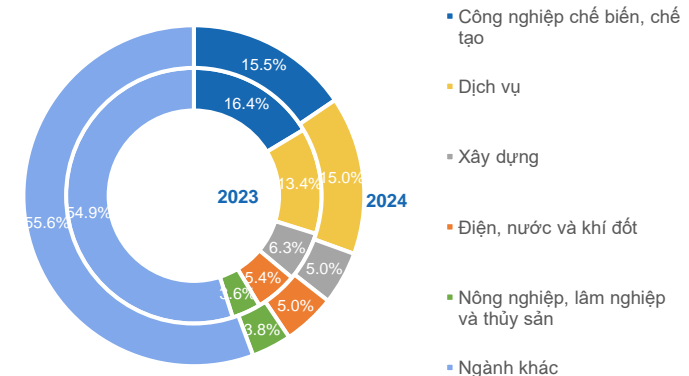
I. TỔNG QUAN

Cơ cấu dự nợ cho vay theo phân loại khách hàng



Nguồn: BID, NHSV Research

Cơ cấu dự nợ cho vay theo lĩnh vực



Nguồn: BID, NHSV Research

Động lực tăng trưởng chính của ngân hàng đến từ các mảng kinh doanh khác, ngoài cho vay

- Trong Q4-2024, BID ghi nhận 26,405 tỷ đồng thu nhập hoạt động, tăng mạnh 28.2% YoY và 53% QoQ. Lũy kế cả năm 2024, TOI đạt 81,060 tỷ đồng, tăng 11.0% YoY. Trong đó:
 - NII Q4-2024 đạt 15,639 tỷ đồng, tăng 5.2% YoY và 11.8% QoQ, nhờ tín dụng tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, lũy kế cả năm, NII chỉ tăng 3.3% YoY, phần nào bị ảnh hưởng bởi sự thu hẹp của NIM xuống 2.3% (giảm 33 đcb YoY).
 - Non-II Q4-2024 ghi nhận mức tăng trưởng rất mạnh 87.8% YoY và 229.4% QoQ, đạt 10,767 tỷ đồng, nhờ đóng góp tích cực từ hầu hết mảng kinh doanh ngoài lãi. Lũy kế cả năm, Non-II tăng 36.6% YoY với sự dẫn dắt của mảng kinh doanh & đầu tư chứng khoán (+63.2% YoY), trong khi tăng trưởng thấp hơn ở mảng dịch vụ (+7.7% YoY) và mảng kinh doanh ngoại hối & vàng (+13.9% YoY).
- Chi phí hoạt động Q4-2024 tăng 19.8% YoY và 48.8% QoQ, kéo chi phí hoạt động cả năm lên mức 27,790 tỷ đồng (+10.8% YoY), thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng của TOI (+11% YoY) đã giúp cho CIR cải thiện nhẹ 7 đcb YoY, xuống còn 34.3%.
- Chi phí dự phòng rủi ro Q4-2024 ở mức 7,678 tỷ đồng, tăng mạnh 57.4% YoY và 72.6% QoQ. Lũy kế cả năm, BID ghi nhận 21,887 tỷ đồng chi phí dự phòng, tăng nhẹ 7.6% YoY.
- Tổng hợp các yếu tố nêu trên giúp BID ghi nhận lợi nhuận sau thuế Q4-2024 ở mức 7,464 tỷ đồng, tăng mạnh 20.6% YoY và 43.2% QoQ. Lũy kế cả năm 2024, lợi nhuận sau thuế đạt 25,122 tỷ đồng, tăng 14.3% YoY.

Kết quả kinh doanh	2024	YoY	Q4-2024	YoY	QoQ	Các chỉ tiêu chính	2024	YoY	Q4-2024	YoY	QoQ
Thu nhập hoạt động	81,060	11.0%	26,405	28.2%	53.0%	Tăng trưởng tín dụng (%YTD)	15.5%	-79 đcb	15.5%	-79 đcb	+571 đcb
Thu nhập lãi thuần (NII)	58,008	3.3%	15,639	5.2%	11.8%	Tăng trưởng tiền gửi (%YTD)	14.6%	-111 đcb	14.6%	-105 đcb	+466 đcb
Thu nhập ngoài lãi (Non-II)	23,052	36.6%	10,767	87.8%	229.4%	NIM	2.3%	-25 đcb	2.4%	-33 đcb	+14 đcb
TNT hoạt động dịch vụ (NFI)	7,074	7.7%	1,967	21.6%	33.3%	YEA	5.5%	-146 đcb	5.5%	-128 đcb	+5 đcb
TNT hoạt động FX	5,360	13.9%	1,438	-8.3%	96.3%	COF	3.4%	-130 đcb	3.4%	-107 đcb	-8 đcb
TNT hoạt động chứng khoán	5,186	63.2%	5,268	67.3%	1058.9%	CASA	18.3%	+7 đcb	18.3%	+9 đcb	+135 đcb
TNT hoạt động khác	5,433	124.2%	2,094	448.2%	30.0%	Tỷ lệ nợ xấu	1.4%	+15 đcb	1.4%	+16 đcb	-30 đcb
Chi phí hoạt động	27,790	10.8%	9,382	19.8%	48.8%	Phí suất tín dụng (Credit cost)	1.1%	-9 đcb	1.5%	+39 đcb	+60 đcb
Chi phí dự phòng	21,887	7.6%	7,687	57.4%	72.6%	LLR	133.7%	-4724 đcb	133.7%	-4815 đcb	+1795 đcb
Lợi nhuận sau thuế	25,122	14.3%	7,464	20.6%	43.2%	CIR	34.3%	-7 đcb	35.5%	-247 đcb	-101 đcb

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tăng trưởng tín dụng cao trong năm 2024 với động lực chính đến từ nhóm khách hàng cá nhân

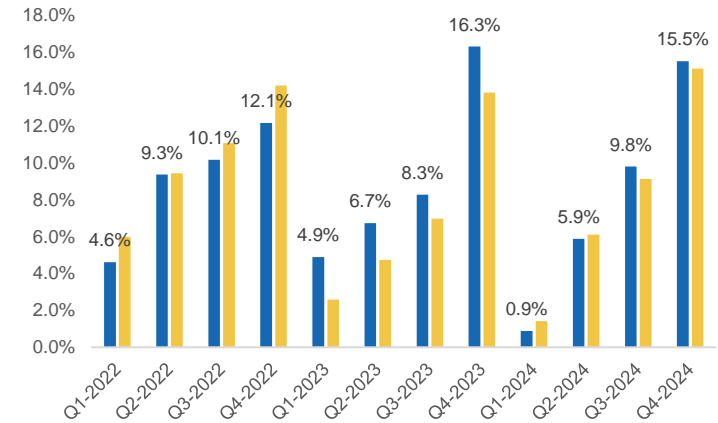
Tăng trưởng tín dụng nhảy vọt trong Q4-2024, đưa tăng trưởng tín dụng cả năm lên mức cao và vượt trên mức tăng trưởng tín dụng bình quân của nền kinh tế

- Tăng trưởng tín dụng cả năm 2024 ở mức 15.5%, thấp hơn 1 chút so với năm trước (16.3%) nhưng là rất cao so với mức tăng trưởng tín dụng bình quân của ngân hàng trong nhiều năm trở lại đây (đứng thứ 2 trong suốt giai đoạn 2018-2024). Tăng trưởng tín dụng của BID cũng nhỉnh hơn mức tăng trưởng tín dụng chung của toàn nền kinh tế (~15.1%) cho thấy vai trò đầu tàu của BID trong việc dẫn dắt tăng trưởng tín dụng chung của toàn nền kinh tế khi là ngân hàng đứng đầu về quy mô tín dụng cho vay trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

Tín dụng cá nhân là động lực tăng trưởng chính của BID trong nhiều năm trở lại đây

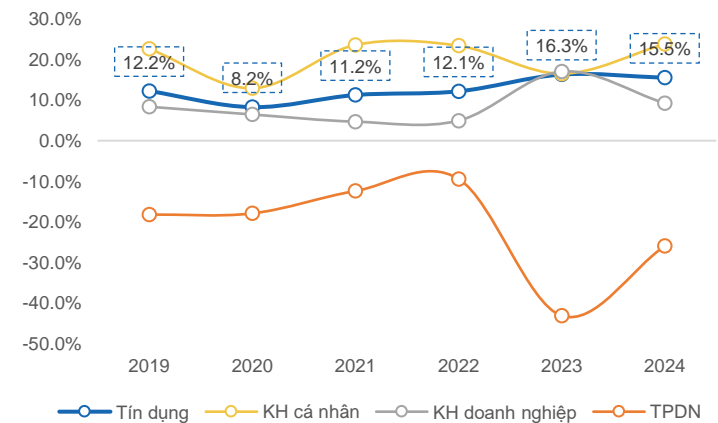
- Trong cấu trúc tăng trưởng tín dụng 2024, tín dụng cá nhân đóng vai trò chính khi tăng mạnh tới 23.8%, trong khi tín dụng doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ 9.2% YTD. Ngoài ra, tín dụng cá nhân vẫn luôn là động lực tăng trưởng chính của ngân hàng trong những năm gần đây khi liên tục duy trì mức tăng trưởng cao hơn so với tín dụng doanh nghiệp.

Tăng trưởng tín dụng của BID và nền kinh tế



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Cấu trúc tăng trưởng tín dụng hàng năm của BID



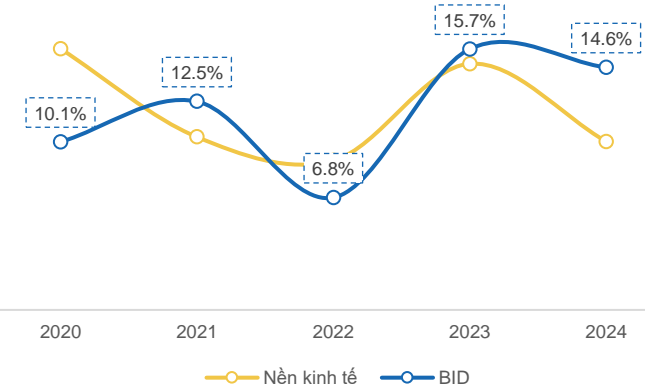
Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tăng trưởng tiền gửi duy trì ở mức cao, tạo điểm nhấn khác biệt trong bức tranh huy động âm đạm của toàn hệ thống ngân hàng.

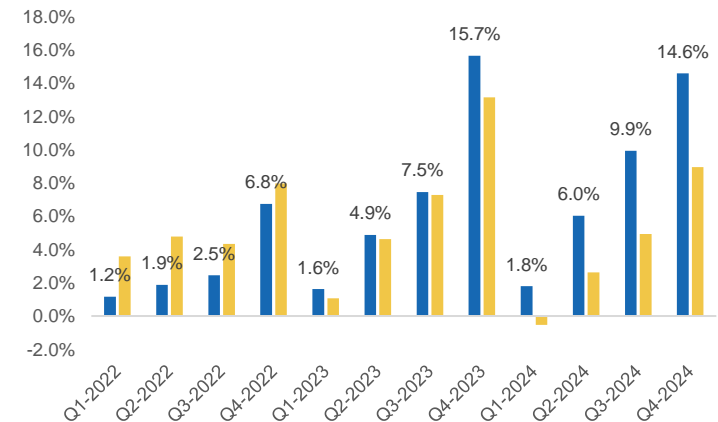
- Cụ thể, trong năm 2024, tăng trưởng tiền gửi khách hàng của BID ghi nhận ở mức 14.6%, giảm nhẹ so với mức 15.7% của năm 2023. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn cao hơn đáng kể so với mức trung bình của ngân hàng trong 5 năm gần nhất (~12%). Điều này phản ánh sự ổn định trong huy động vốn của BID bất chấp môi trường lãi suất thấp.
- Ngoài ra, trong bối cảnh tăng trưởng huy động toàn nền kinh tế chững lại, BID tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt. Theo số liệu từ NHNN đến hết T11/2024, tăng trưởng tiền gửi của các tổ chức tín dụng (TCTD) mới chỉ đạt 6.7% YTD, và dự kiến cả năm chỉ vào khoảng 9-10% YTD. Đây là mức tăng trưởng tiền gửi thấp nhất trong nhiều năm, phản ánh áp lực huy động vốn của các ngân hàng khi lãi suất huy động và cho vay vẫn đang duy trì ở mức thấp. Dù vậy, BID vẫn đạt được mức tăng trưởng huy động tốt dù đang áp dụng chính sách lãi suất huy động thấp hơn so với mặt bằng chung toàn ngành.
- BID cũng là một trong số ít ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng và tiền gửi đều cao hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, cho thấy lợi thế về mạng lưới, thương hiệu và chiến lược huy động vốn hiệu quả của ngân hàng trong môi trường tài chính đầy thách thức.

Tăng trưởng tiền gửi của BID và nền kinh tế trong 5 năm gần đây



Nguồn: BID, SBV, NHSV Research tổng hợp

Tăng trưởng tiền gửi của BID và nền kinh tế



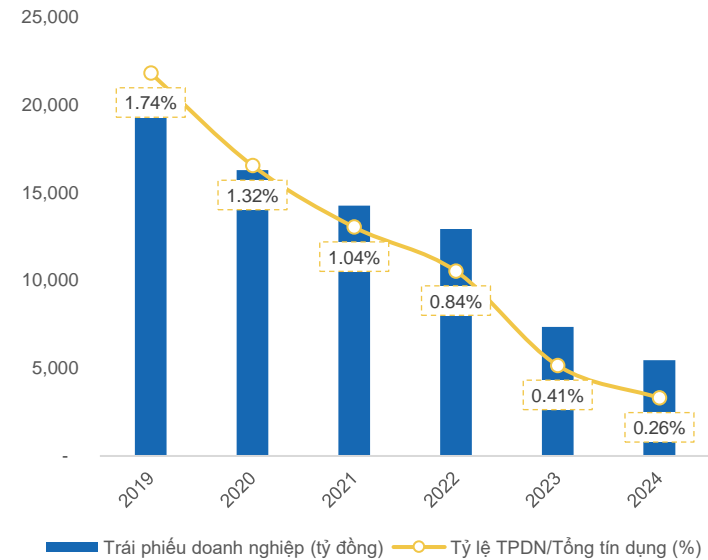
Nguồn: BID, SBV, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Quy mô trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục giảm mạnh, chạm mức thấp nhất lịch sử

- Tính đến cuối năm 2024, tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) trong tổng dư nợ tín dụng của BIDV tiếp tục giảm mạnh, hiện chỉ chiếm 0,26%, mức thấp nhất trong lịch sử hoạt động của ngân hàng.
- Việc giảm tỷ trọng TPDN phản ánh chính sách thận trọng của BIDV trong việc quản lý rủi ro tín dụng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường TPDN đối mặt với nhiều thách thức và áp lực đáo hạn lớn trong giai đoạn 2024-2026. Động thái này giúp BIDV giảm thiểu rủi ro liên quan đến TPDN, đặc biệt là trong các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao như bất động sản.

Quy mô trái phiếu doanh nghiệp hàng năm của BID



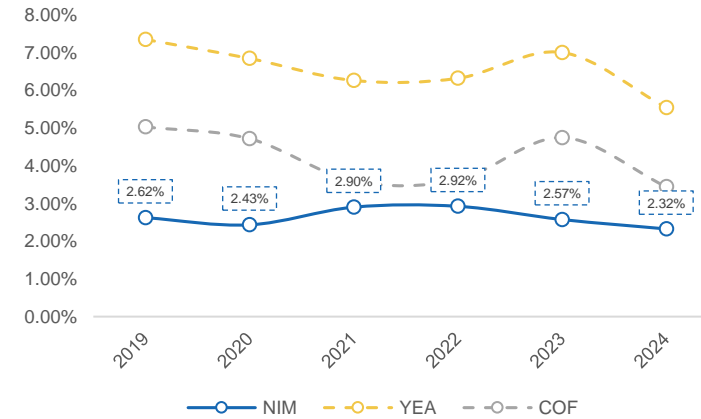
Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NIM bình quân cả năm 2024 chạm mức thấp nhất trong lịch sử hoạt động của ngân hàng

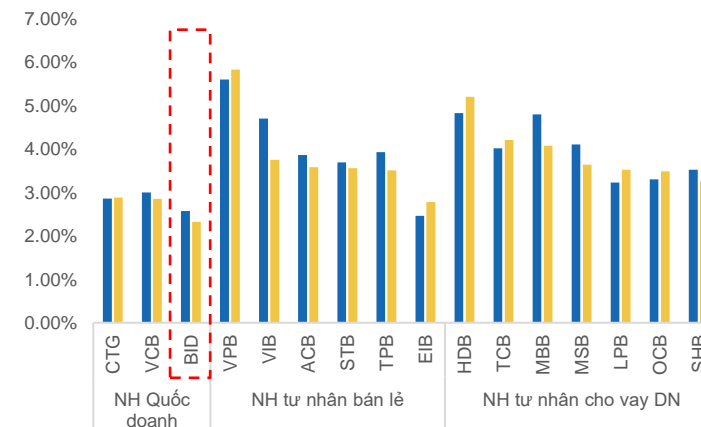
- NIM bình quân cả năm 2024 của ngân hàng chỉ ở mức 2.32%, giảm khá so với năm trước (2.57%) và chạm mức thấp nhất trong suốt lịch sử hoạt động của ngân hàng. Đây cũng là mức thấp nhất trong số 16 ngân hàng lớn mà chúng tôi theo dõi, cho thấy biên lợi nhuận của BID đang chịu áp lực mạnh trong môi trường lãi suất thấp.
- Nguyên nhân chính dẫn đến NIM thấp là do YEA ở mức rất thấp, chỉ cao hơn Vietcombank (VCB) bởi cấu trúc cho vay tập trung lớn vào nhóm khách hàng cá nhân với tỷ trọng lớn là các khoản giải ngân mang tính ngắn hạn khiến tỷ suất sinh lời đầu ra của ngân hàng ở mức rất thấp so với mặt bằng chung cả ngành. Mặt khác, COF của BID mặc dù thấp nhưng lại là cao nhất trong bộ 3 ngân hàng niêm yết có vốn đầu tư nhà nước do tỷ lệ CASA là không quá nổi bật.

NIM, YEA và COF của BID hàng năm



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

NIM bình quân năm của các ngân hàng



Nguồn: Các ngân hàng, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BID thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhưng cao hơn so với VCB và CTG trong nhóm ngân hàng có vốn đầu tư nhà nước

Nợ xấu giảm mạnh trong Q4-2024 nhưng vẫn đang cao hơn so với cuối năm trước

- Đến hết năm 2024, nợ xấu của ngân hàng giảm mạnh xuống mức chỉ 1.41% so với quý trước đó (1.71%) nhưng vẫn cao hơn so với tỷ lệ nợ xấu cuối năm trước (1.26%).
- Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 duy trì quanh mức 1.66%, gần như đi ngang trong Q4-2024 và có sự tăng nhẹ so với cuối năm trước (1.58%).

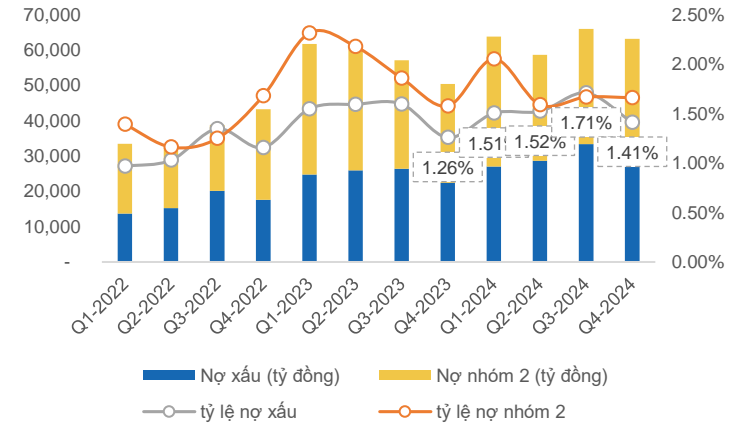
...nợ xấu cải thiện nhờ tốc độ xử lý nợ xấu được đẩy nhanh

- Theo ước tính của chúng tôi, chỉ tính riêng trong Q4-2024, số dư nợ xấu được xử lý của ngân hàng vào khoảng 7.500 tỷ đồng, tăng mạnh so với quý trước và cùng kỳ. Tính chung cả năm 2024, tổng nợ xấu xử lý của ngân hàng ước tính ~24.000 tỷ đồng, là mức cao nhất trong lịch sử hoạt động.

BID vẫn thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhưng cao hơn so với VCB và CTG

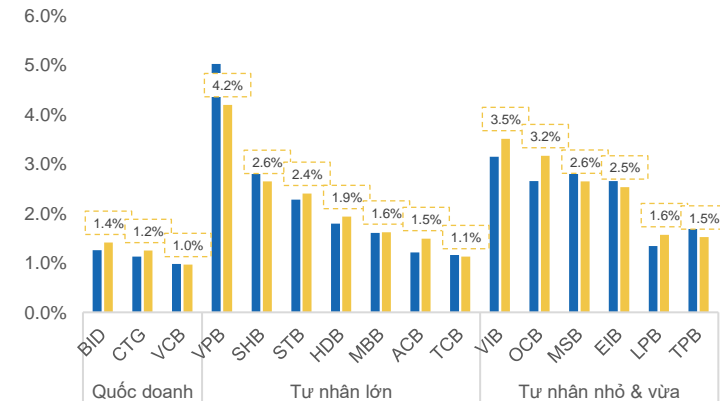
- Với tỷ lệ nợ xấu chỉ ở quanh mức 1.4%, BID nằm trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nhưng nợ xấu vẫn đang cao hơn so với 2 ngân hàng quốc doanh còn lại là VCB và CTG.

Nợ xấu và nợ nhóm 2 của BID hàng quý



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

So sánh tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng cuối năm 2024



Nguồn: Các ngân hàng, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trích lập dự phòng tăng mạnh, LLR cải thiện đáng kể trong Q4-2024

Trích lập dự phòng tăng mạnh trong Q4-2024

- Trong Q4-2024, BID trích lập bổ sung 7.687 tỷ đồng chi phí dự phòng, mức cao nhất trong nhiều quý trở lại đây. Tuy vậy, tổng chi phí dự phòng cho cả năm 2024 không quá cao, chỉ khoảng 22.000 tỷ đồng, mặc dù tăng so với năm trước nhưng không quá cao so với mức trích lập rất lớn trong 5 năm trở lại đây. Điều này cho thấy áp lực nợ xấu của ngân hàng đã phần nào được giảm bớt.

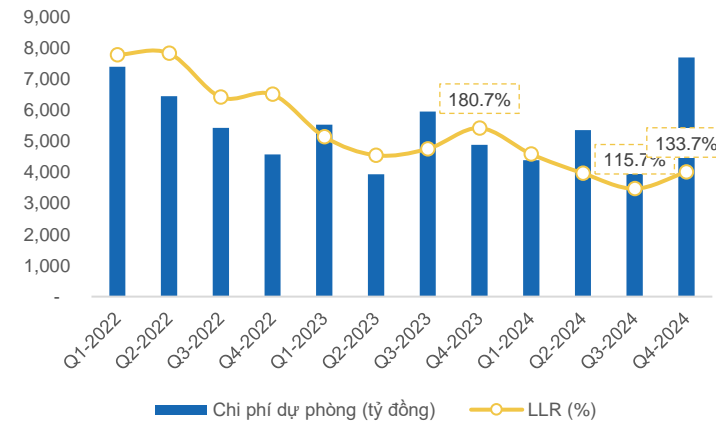
...giúp LLR ghi nhận sự cải thiện đáng kể

- Nợ xấu giảm và trích lập dự phòng tăng lên giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu của ngân hàng có bước cải thiện đáng kể trong Q4-2024, hiện vào khoảng 134%, tăng đáng kể so với mức 116% của quý trước. Việc nâng cao LLR sẽ giúp BID có bộ đệm dự phòng tốt hơn trước các rủi ro tín dụng tiềm ẩn trong thời gian tới.

BID duy trì LLR trong nhóm cao nhất ngành, chỉ sau VCB và CTG

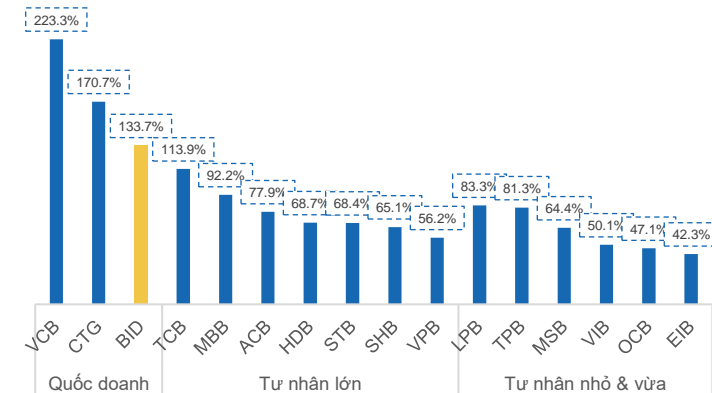
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID hiện nằm trong nhóm cao nhất ngành ngân hàng, chỉ thấp hơn 2 ngân hàng khác trong nhóm quốc doanh là VCB và CTG. Điều này cho thấy nhóm ngân hàng quốc doanh nói chung, BID nói riêng vẫn đang duy trì chính sách quản trị rủi ro rất thận trọng nhằm kiểm soát chặt chẽ chế lượng tài sản trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều thách thức.

Chi phí dự phòng và LLR của BID hàng quý



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của các ngân hàng cuối năm 2024



Nguồn: Các ngân hàng, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CASA có sự chuyển mình mạnh mẽ

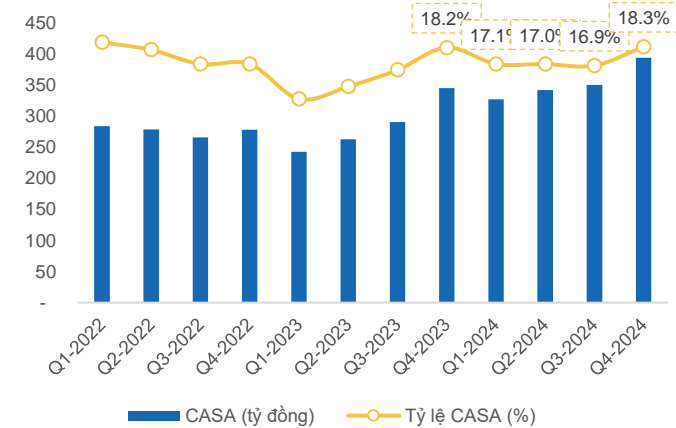
CASA cải thiện mạnh trong Q4-2024, tiếp tục vượt đỉnh lịch sử

- Trong Q4-2024, tỷ lệ CASA của BID đã tăng mạnh lên 18.3%, cao hơn mức 16.9% của quý trước và nhỉnh hơn so với mức 18.22% vào cuối năm 2023. Đây là mức cao nhất mà BID đạt được sau nhiều năm hoạt động, cho thấy ngân hàng đang có những bước tiến tích cực trong việc gia tăng nguồn vốn không kỳ hạn.

Quy mô CASA đứng thứ 3, nhưng tỷ lệ CASA hiện vẫn thấp hơn trung bình ngành

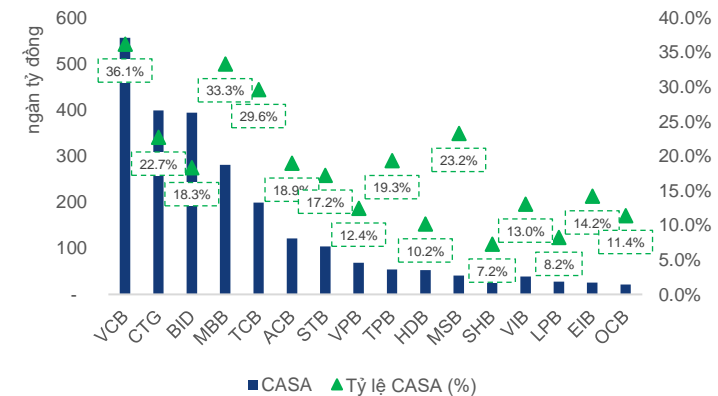
- Mặc dù đứng thứ 3 ngành ngân hàng về quy mô CASA nhưng tỷ lệ CASA (tiền gửi không kỳ hạn/tổng vốn huy động) của ngân hàng hiện vẫn đang ở dưới ngưỡng trung bình ngành (~21.5%) và thấp hơn đáng kể so với 2 ngân hàng quốc doanh còn lại là VCB và CTG. Nguyên nhân chủ yếu là do tệp khách hàng của BID tập trung chủ yếu vào nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và khách hàng lẻ, vốn có xu hướng gửi tiền kỳ hạn cao hơn thay vì giữ dòng vốn trong tài khoản thanh toán, trong khi VCB và CTG có tỷ trọng khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp lớn cao hơn.

CASA và tỷ lệ CASA hàng quý của BID



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

CASA và tỷ lệ CASA của các ngân hàng cuối năm 2024

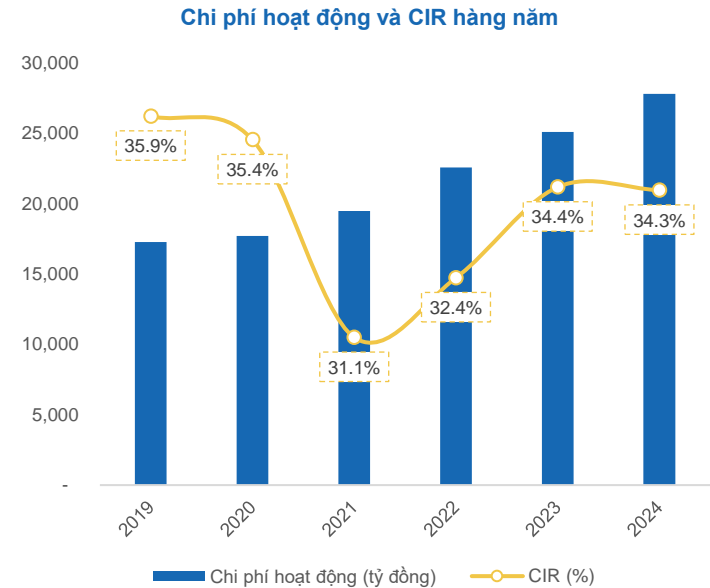


Nguồn: Các ngân hàng, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chi phí hoạt động tăng mạnh trong Q4-2024, tiếp tục lập đỉnh nhưng CIR vẫn có sự cải thiện nhẹ

- Trong Q4-2024, chi phí hoạt động của BID tăng mạnh, đạt 9.382 tỷ đồng, mức cao nhất trong nhiều quý gần đây. Lũy kế cả năm 2024, tổng chi phí hoạt động tiếp tục vượt đỉnh, ghi nhận mức tăng trưởng +10.8% YoY.
- Mặc dù chi phí hoạt động gia tăng, tỷ lệ CIR vẫn có sự cải thiện nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Điều này chủ yếu nhờ thu nhập hoạt động của ngân hàng tăng trưởng mạnh hơn, đạt +11% YoY, giúp hấp thụ một phần áp lực từ chi phí vận hành gia tăng.



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BSC củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán, dư nợ cho vay liên tục lập đỉnh

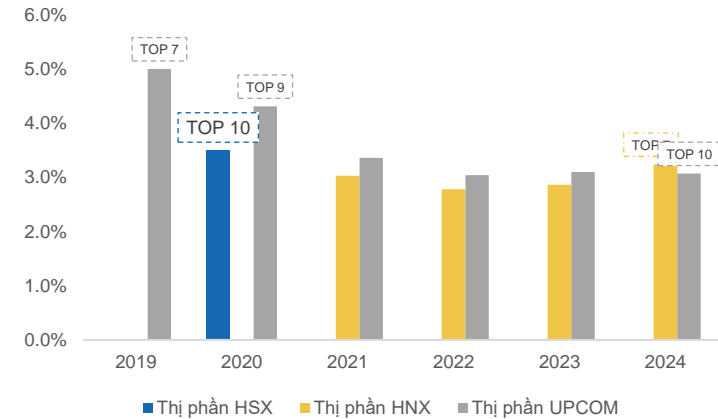
BSC củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán

➢ Chứng khoán BSC (BSI) ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường khi liên tục góp mặt trong TOP thị phần môi giới của 3 sàn, đặc biệt là HNX và UPCOM, nơi công ty thường xuyên nằm trong TOP 10 thị phần. Cụ thể, trong năm 2024, theo dữ liệu công bố của HNX, thị phần môi giới của BSC trên HNX đã tăng từ 2.86% (2023) lên 3.24% (2024), giúp công ty vươn lên TOP 7 trên sàn này. Trong khi đó, thị phần UPCOM duy trì ổn định ở mức 3.1%, tiếp tục xếp trong TOP 10 toàn ngành. Kết quả này cho thấy sự mở rộng hoạt động môi giới của BSC, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty chứng khoán hiện nay.

Dư nợ cho vay ký quỹ của BSC duy trì mức tăng trưởng cao và liên tục vượt đỉnh

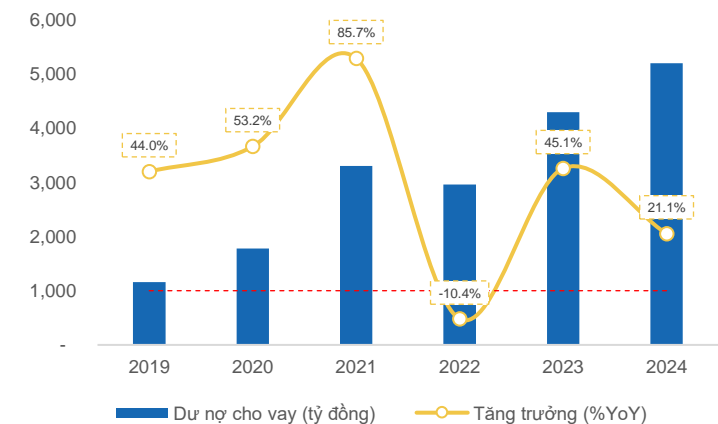
➢ Bên cạnh hoạt động môi giới, dư nợ cho vay ký quỹ (margin) của BSC cũng có sự tăng trưởng ấn tượng. Tính đến cuối năm 2024, tổng dư nợ cho vay của BSC đạt 5.200 tỷ đồng, tăng mạnh 21.1% YoY, tiếp tục vượt đỉnh lịch sử. Đây là mức tăng trưởng dư nợ rất tích cực của BSC, qua đó đóng góp một phần không nhỏ vào sự mở rộng và phát triển của tín dụng bán lẻ đối với ngân hàng mẹ (BIDV).

Thị phần 3 sàn của BSC hàng năm



Nguồn: HNX, HSX, NHSV Research tổng hợp

Dư nợ cho vay hàng năm của BSC



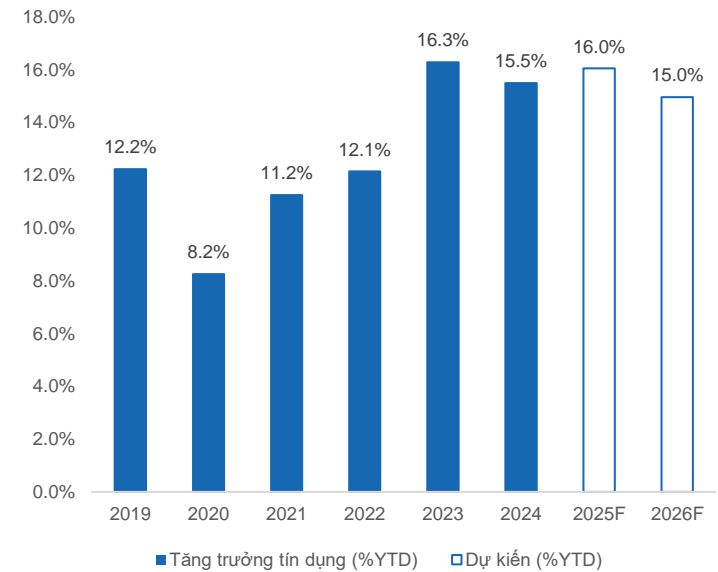
Nguồn: BSI, NHSV Research tổng hợp

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đầu tàu dẫn dắt ngành ngân hàng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành 16% trong năm nay

- Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 của BID sẽ đạt khoảng 16%, cao hơn 2% so với mức tăng trưởng mục tiêu “tối thiểu” 14% mà ngân hàng đã đề ra. Mức này cũng tương đương với mức tăng trưởng tín dụng mục tiêu toàn ngành là 16%, phản ánh vai trò quan trọng của BID trong việc điều tiết tín dụng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN).
- Với quy mô tài sản, tín dụng cho vay và huy động tiền gửi lớn nhất trong hệ thống, BID không chỉ đóng vai trò quan trọng trong cung ứng vốn cho nền kinh tế mà còn là ngân hàng tập trung mạnh nhất vào phân khúc bán lẻ trong nhóm "Big 3" ngân hàng quốc doanh (VCB, CTG, BID). Đây cũng chính là nhóm khách hàng được ưu tiên phát triển tín dụng trong năm 2025, bao gồm các chính sách phát triển nhà ở xã hội, cho vay mua nhà dành cho người trẻ, và hỗ trợ doanh nghiệp SME theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Một số động lực khác giúp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của BID trong năm 2025:
 - **Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế:** Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi, hướng tới tăng trưởng GDP 2025 trên 8% theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp và cá nhân dự kiến sẽ tăng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng.
 - **Vị thế:** Với vị thế là ngân hàng quốc doanh, đồng thời là ngân hàng có quy mô lớn nhất tại Việt Nam, BID có lợi thế lớn về tệp khách hàng và khả năng tiếp cận các dự án đầu tư công và khách hàng doanh nghiệp lớn.
 - **Ưu thế vượt trội về lãi suất cho vay:** Với lãi suất cho vay rất cạnh tranh, BID dễ dàng thu hút người vay và tăng tốc giải ngân tín dụng.

Dự báo tăng trưởng tín dụng của BID 2025-2026F

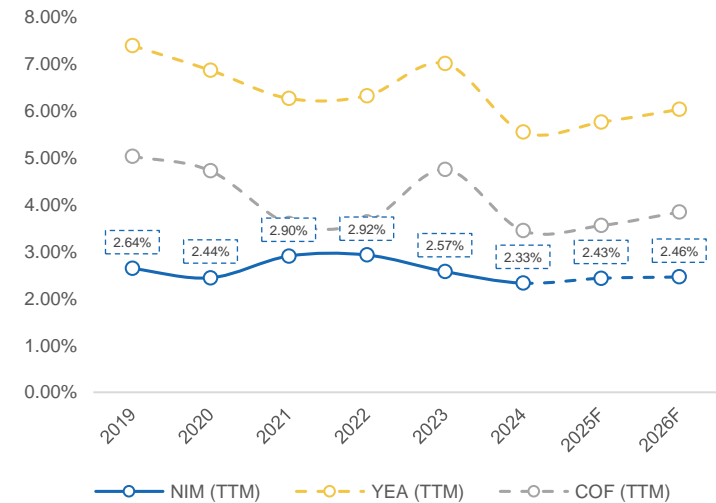


Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp & dự phóng

Tiềm năng cải thiện biên lãi thuần trong bối cảnh chung toàn ngành vẫn đang chịu nhiều áp lực

- Ngành ngân hàng trong năm 2025 dự kiến sẽ đối mặt với áp lực giảm nhẹ NIM do yêu cầu duy trì lãi suất cho vay thấp để đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức cao (16%), trong khi cạnh tranh huy động vốn ngày càng gay gắt hơn. Tuy nhiên, điểm tích cực là áp lực nợ xấu giảm dần nhờ kinh tế phục hồi, cùng với tỷ lệ CASA toàn ngành cải thiện trở lại tạo động lực hỗ trợ NIM không giảm sâu.
- Chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan hơn về NIM của BID so với bức tranh chung của ngành ngân hàng. Dự báo trong năm 2025, NIM bình quân của BID sẽ duy trì ổn định ở mức 2,4-2,6%, tương đương năm 2024, nhờ những lợi thế cạnh tranh riêng biệt.
- Với vị thế là ngân hàng quốc doanh hàng đầu, BID hiện sở hữu tỷ trọng cho vay ngắn hạn lớn, dẫn đến mức NIM thấp. Tuy nhiên, điều này cũng tạo dư địa để cải thiện biên lãi nếu ngân hàng đẩy mạnh tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn trong tương lai.
- Bên cạnh đó, tỷ lệ CASA của BID đang ghi nhận sự cải thiện đáng kể, qua đó giúp giảm chi phí vốn và hỗ trợ nâng cao NIM. Ngoài ra, lợi thế về chi phí huy động vốn thấp của nhóm ngân hàng quốc doanh cũng giúp BID có khả năng chống chịu tốt hơn trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng.
- Đáng chú ý, tăng trưởng tiền gửi mạnh mẽ trong năm 2024 sẽ giúp ngân hàng giảm áp lực lên chi phí vốn (COF), đồng thời mở rộng dư địa giải ngân tín dụng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để NIM có thể được cải thiện trong thời gian tới.

Dự báo NIM, YEA và COF của BID 2025-2026F

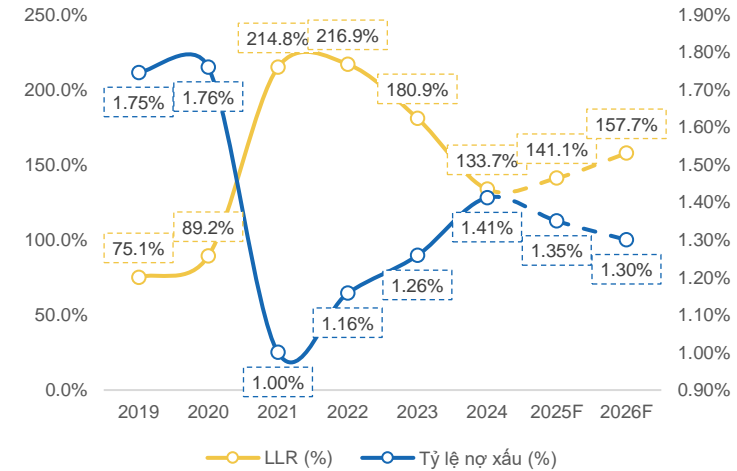


Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp & dự phóng

Nợ xấu giảm nhẹ trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen

➢ Chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng trong năm 2025 sẽ có xu hướng đi ngang, trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng mạnh với mục tiêu 8% trong năm 2025, thị trường bất động sản khởi sắc và các chính sách hỗ trợ như tái cơ cấu nợ theo Thông tư 53/2024. Tuy nhiên, thách thức vẫn hiện hữu khi Thông tư 02 hết hiệu lực từ năm 2024, làm lộ ra các khoản nợ tiềm ẩn, trong khi bộ đệm dự phòng mỏng dần và áp lực từ trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn gia tăng. Ngoài ra, tình trạng mất cân đối cung cầu trên thị trường bất động sản có thể kéo dài, ảnh hưởng đến khả năng xử lý tài sản đảm bảo của các ngân hàng.

Dự báo tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID 2025-2026F



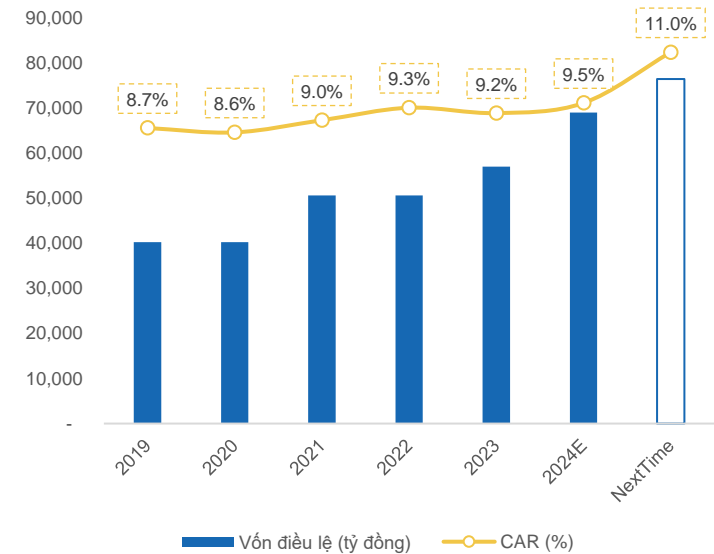
Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp & dự phóng

➢ Đối với BID, chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng sẽ có sự cải thiện nhẹ, tốt hơn so với mặt bằng chung toàn ngành ngân hàng. Cụ thể, chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu của BID có thể giảm từ 1.4% (2024) xuống mức 1.35% trong năm 2025 nhờ vào tệp khách hàng đa dạng, ít phơi nhiễm với tín dụng bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp cùng bộ đệm dự phòng vững chắc giúp ngân hàng đẩy nhanh tiến độ xử lý các khoản nợ xấu trong năm nay. Ngoài ra, với lợi thế là 1 ngân hàng quốc doanh, BID có một tỷ trọng khá lớn khách hàng là các tập đoàn/tổng công ty nhà nước/doanh nghiệp FDI với năng lực tài chính vững mạnh, giúp giảm thiểu khả năng hình thành nợ xấu hơn so với các ngân hàng khác.

BIDV đang triển khai các kế hoạch tăng vốn mạnh mẽ nhằm gia tăng khả năng chống chịu rủi ro và đáp ứng nhu cầu tín dụng ngày càng cao

- Ngân hàng BIDV dự kiến hoàn tất phát hành riêng lẻ 123,8 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chuyên nghiệp trong quý I/2025 với giá 38.800 đồng/cổ phiếu, số tiền dự kiến thu về khoảng 4.800 tỷ đồng.
- Trước đó, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, BIDV đã lên kế hoạch phát hành riêng lẻ thêm 9% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Tính đến tháng 4/2023, ngân hàng đã tiếp xúc với 38 nhà đầu tư tiềm năng, nhưng do tình hình kinh tế không thuận lợi, việc tìm kiếm đối tác chiến lược gặp khó khăn. Tuy nhiên, BIDV vẫn tiếp tục nỗ lực thực hiện kế hoạch này và đã có một số nhà đầu tư tiềm năng quan tâm.
- Việc tăng vốn này sẽ giúp BIDV cải thiện mạnh tỷ lệ an toàn vốn (CAR). Hiện tại, tỷ lệ CAR của BIDV khoảng 9.2%, mức rất thấp trong ngành và tiệm cận khá sát mức tối thiểu 8% theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo ước tính của chúng tôi, nếu thực hiện thành công cả hai thương vụ nêu trên, tỷ lệ CAR của ngân hàng có thể cải thiện thêm khoảng 1,5%. Việc tăng vốn cũng sẽ giúp BIDV bổ sung nguồn lực để đáp ứng nhu cầu tín dụng đang tăng trưởng mạnh, đầu tư vào chuyển đổi số và quản trị rủi ro, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Vốn điều lệ và CAR của BID



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp & dự phóng

III. LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Dự phóng thu nhập hoạt động/lợi nhuận sau thuế năm 2025F của BID ước đạt 96,055 tỷ đồng (+18.5% YoY)/29,390 tỷ đồng (+17.0% YoY)

Chỉ tiêu	2023	2024	2025F	2026F	Ghi chú
Thu nhập hoạt động	73,013	81,060	96,055	109,422	❖ Thu nhập lãi thuần: Chúng tôi dự báo thu nhập lãi thuần của BID sẽ tăng trưởng mạnh trong năm 2025, đạt mức +18,4% YoY. Dự báo này được xây dựng trên kỳ vọng tăng trưởng tín dụng cao (+16% YTD) như đã phân tích trước đó, cùng với mức cải thiện nhẹ của NIM (từ 2,33% năm 2024 lên 2,4% năm 2025). Dù vậy, NIM của BID vẫn duy trì ở mức thấp so với mặt bằng chung của ngành cũng như so với lịch sử hoạt động của ngân hàng.
%yoy	4.9%	11.0%	18.5%	13.9%	
Thu nhập lãi thuần	56,136	58,008	70,854	81,803	
%yoy	0.1%	3.3%	22.1%	15.5%	
Thu nhập ngoài lãi thuần	16,877	23,052	25,201	27,620	❖ Thu nhập ngoài lãi: Tiếp đà tăng trưởng mạnh trong 2 năm vừa qua, chúng tôi kỳ vọng thu nhập ngoài lãi của BID sẽ tăng khoảng 10% YoY trong năm 2025. Dự báo này dựa trên tốc độ tăng trưởng khả quan của các nguồn thu chính, bao gồm: thu nhập dịch vụ tăng 12% YoY (sắp xỉ mức tăng trung bình trong 5 năm qua); thu nhập từ kinh doanh ngoại hối & vàng tăng trưởng 15% YoY, thu nhập từ kinh doanh & đầu tư chứng khoán tăng 10% YoY nhờ diễn biến thuận lợi hơn từ môi trường kinh doanh & đầu tư.
%yoy	24.9%	36.6%	9.3%	9.6%	
Chi phí hoạt động	25,081	27,790	32,659	37,204	❖ Chi phí hoạt động: Chúng tôi dự báo chi phí hoạt động của BID sẽ tăng khoảng 17,4% YoY trong năm 2025, thấp hơn tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (TOI). Điều này phản ánh kỳ vọng CIR sẽ có sự cải thiện nhẹ sau hai năm liên tiếp duy trì ở mức cao.
%yoy	11.2%	10.8%	17.5%	13.9%	
Chi phí dự phòng	20,344	21,887	26,659	30,794	❖ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng: Dự báo chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của BID sẽ tăng mạnh (+21,8% YoY) trong năm nay. Việc gia tăng trích lập dự phòng nhằm duy trì bộ đệm rủi ro ở mức an toàn, trong bối cảnh ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao trong năm 2025.
%yoy	-15.3%	7.6%	21.8%	15.5%	
Tổng lợi nhuận trước thuế	27,589	31,383	36,737	41,425	
Lợi nhuận sau thuế	21,977	25,122	29,390	33,140	
%yoy	19.3%	14.3%	17.0%	12.8%	

Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp & dự phóng

IV. DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Giá mục tiêu của BID là 46,900 đồng/cp, upside +17.8% từ mức 39,800 đồng/cp

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu BID với giá mục tiêu trong vòng 1 năm tới là 46,900 VNĐ/cổ phiếu (+16.2% so với mức giá đóng cửa ngày 19/03/2025 là 39,800 VNĐ/cổ phiếu) dựa theo phương pháp P/B và thu nhập thặng dư với tỷ trọng đóng góp là 50%/50%.

Định giá theo phương pháp P/B



Nguồn: NHSV Research tổng hợp

Phương pháp so sánh P/B

Lợi nhuận ròng 2025F	28,848 tỷ đồng
SLCP đang lưu hành	7,021 triệu cổ phiếu
BVPS 2025F	24,198 đồng
P/B mục tiêu	2.16 lần
Giá mục tiêu	52,225 đồng/cổ phiếu

Định giá theo phương pháp thu nhập thặng dư

Chi phí sử dụng vốn

Hệ số Beta	1.0
Lãi suất phi rủi ro	2.80%
Phần bù rủi ro	9.00%
Chi phí sử dụng VCSH	11.8%

Phương pháp thu nhập thặng dư

PV của thu nhập thặng dư (2025F-2029F)	52,570 tỷ đồng
PV của giá trị tiếp tục (từ 2030 trở đi)	95,166 tỷ đồng
Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu	144,512 tỷ đồng
Giá trị hiện tại của vốn chủ sở hữu	292,247 tỷ đồng
SLCP đang lưu hành	7,021 triệu cổ phiếu
Giá mục tiêu	41,623 đồng/cổ phiếu

Tổng hợp định giá

Phương pháp định giá	Tỷ trọng	Giá hợp lý	Đóng góp
Thu nhập thặng dư	50%	41,623	20,811 đồng/cổ phiếu
P/B	50%	52,225	26,112 đồng/cổ phiếu
Giá mục tiêu			46,900 đồng/cổ phiếu

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2024	2025F	2026F
Thu nhập hoạt động	81,060	96,055	109,422
Thu nhập lãi thuần	58,008	70,854	81,803
Thu nhập ngoài lãi thuần	23,052	25,201	27,620
TNT hoạt động dịch vụ (NFI)	7,074	7,900	8,823
TNT hoạt động FX	5,360	6,164	7,089
TNT hoạt động chứng khoán	5,186	5,705	6,275
TNT hoạt động khác	5,433	5,433	5,433
Chi phí hoạt động	27,790	32,659	37,204
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	21,887	26,659	30,794
Tổng lợi nhuận trước thuế	31,383	36,737	41,425
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6,261	7,347	8,285
Lợi nhuận sau thuế	25,122	29,390	33,140
Lợi ích của cổ đông thiểu số	463	542	611
Lợi nhuận sau thuế Ngân hàng mẹ	24,658	28,848	32,529

CHỈ SỐ CHÍNH

	2024	2025F	2026F
Tăng trưởng tín dụng	15.5%	16.0%	15.0%
NIM	2.3%	2.4%	2.5%
YEA	5.5%	5.8%	6.0%
COF	3.4%	3.6%	3.8%
Tỷ lệ CASA	18.3%	18.3%	18.5%
Nợ xấu	1.4%	1.4%	1.3%
LLR	133.7%	141.1%	157.7%
CIR	34.3%	34.0%	34.0%
ROA	1.0%	1.0%	1.0%
ROE	18.4%	18.0%	17.0%

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2024	2025F	2026F
Tổng tài sản	2,760,693	3,153,680	3,576,256
Tài sản sinh lãi	2,719,048	3,115,205	3,544,913
Cho vay khách hàng	2,056,082	2,387,112	2,745,178
Cho vay TCTD khác	11,686	11,686	11,686
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	92,341	101,575	111,733
Tiền gửi tại các TCTD khác	268,366	295,203	324,723
Chứng khoán	290,572	319,629	351,592
Dự phòng rủi ro tín dụng	(38,897)	(45,556)	(56,350)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	10,773	10,773	10,773
Tài sản khác	69,769	73,258	76,921
Tổng nguồn vốn	2,760,693	3,153,680	3,576,256
Nợ phải trả	2,616,182	2,978,540	3,367,976
Tiền gửi của khách hàng	1,953,170	2,223,697	2,514,440
Tiền gửi của các TCTD khác	205,613	234,092	264,699
Vay nợ	195,732	222,842	251,978
Phát hành giấy tờ có giá	198,900	226,449	256,057
Các khoản phải trả khác không chịu lãi	62,766	71,459	80,802
Vốn chủ sở hữu	144,512	175,140	208,280
Vốn điều lệ	68,975	70,214	70,214
Thặng dư vốn cổ phần	15,361	15,361	15,361
Quý của tổ chức tín dụng	15,727	20,136	25,107
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	39,462	64,444	92,613
Lợi ích của cổ đông thiểu số	5,234	5,234	5,234
Nguồn và quỹ khác	(248)	(248)	(248)

VI. PHỤ LỤC



Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.